

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Bảo dưỡng, sửa chữa nhà nội trú học sinh 02 tầng 20 phòng, nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ khác của Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Mường La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 74/TTr-SXD ngày 03/4/2025, Thông báo Kết quả thẩm định số 570/SXD-QLXD ngày 02/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Bảo dưỡng, sửa chữa nhà nội trú học sinh 02 tầng 20 phòng, nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ khác của Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Mường La, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bảo dưỡng, sửa chữa nhà nội trú học sinh 02 tầng 20 phòng, nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ khác của Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Mường La.

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mường La.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng DAH86; địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 83, đường 3/2, tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

- Dự án nhóm C; Công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Ngăn chặn sự xuống cấp của công trình, Khang trang cơ sở vật chất, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của đơn vị góp phần đảm bảo hiệu quả sử dụng và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Sửa chữa nhà nội trú học sinh 2 tầng 20 phòng, sửa chữa nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ (*sửa chữa sân khu trường Lê Quý Đôn (đã bàn giao cho trường), bồn hoa...*) thuộc Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Mường La.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Sửa chữa nhà ở nội trú học sinh 2 tầng 20 phòng: Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng $S_{xd}=507,58m^2$, tổng diện tích sàn $S_s=1.013m^2$; giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

- Tháo dỡ khoảng 50% diện tích một số vị trí mái lợp tôn múi bị gỉ mọt; thay thế bằng tôn múi dày 0,4mm; tháo dỡ, thay thế và lắp đặt lại hệ thống thu lôi chống sét;

- Bóc dỡ lớp vữa trát, lãng lòng và thành sê nô mái, mái sảnh; lòng lãng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 2cm, tường trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; bề mặt lãng 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng (vén tường cao trung bình 20cm). Thay thế rọ chắn rác bằng inox;

- Tháo dỡ cửa đi, cửa sổ (Đ1, S1) vị trí trục B, cạo gỉ, sơn lại 3 nước; các vị trí cửa đi, cửa sổ, vách kính còn lại tháo dỡ, thay thế bằng cửa khuôn nhôm, kính 2 lớp dày 6,38mm, các vị trí tháo dỡ khuôn cửa để thay thế thi công bổ sung lãng tô bằng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200); hoa sắt cửa đi, cửa sổ, vách kính thay thế bằng thép hộp inox tổ hợp hàn (hoa sắt các vị trí cửa Đ1, S1 trục B chỉ vệ sinh và sơn lại). Tháo dỡ lan can hành lang, thay thế bằng lan can inox tổ hợp hàn, chiều cao đảm bảo theo tiêu chuẩn;

- Bóc dỡ lớp vữa trát tường một số vị trí (*khoảng 25% diện tích cột, trụ; khoảng 30% diện tích tường ngoài nhà; khoảng 20% diện tích tường trong nhà; khoảng 10% diện tích dầm, trần*), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; phần tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà còn lại cao lớp sơn bả; toàn bộ bả bột bả lăn sơn 3 nước;

- Bóc dỡ gạch lát nền, sàn hiện trạng; lát lại bằng gạch ceramic kích thước (50x50)cm. Bóc dỡ lớp mài granito bậc cầu thang, tam cấp, ốp lát bằng đá granit;

- Tháo dỡ và thay thế hệ thống điện toàn nhà, thiết bị điện đồng bộ, dây dẫn đi chìm tường trong ống gen chống cháy (*đảm bảo không làm thay đổi công suất thiết kế của công trình*). Thay thế, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cục bộ bao gồm: bình chữa cháy, bảng tiêu lệnh PCCC;

- Sửa chữa khu vệ sinh:

+ Phá dỡ hộp kỹ thuật để thuận lợi cho công tác sửa chữa, thay thế đường ống cấp thoát nước; xây tường bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, ốp gạch hoàn trả bằng gạch men kính ;

+ Khu vệ sinh tầng 1 phá dỡ bổ sung một phần diện tích tường để điều chỉnh kích thước cửa do tôn nền cao thêm 30cm; bóc dỡ gạch lát nền, sàn khu vệ sinh, sân phơi; bóc dỡ gạch ốp tường. Nền vệ sinh tầng 1 tôn nền cao thêm 30cm (đắp đất, đổ bê tông nền cấp độ bền B15 dày 10cm) đảm bảo thoát nước thuận lợi ra bể tự hoại; nền sàn lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; khu vệ sinh và sân phơi tầng 2 lăn dung dịch chống thấm 3 nước, có vén tường cao trung bình 10cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm cao 2,4m (khu vệ sinh tầng 1 ốp cao 2,1m);

+ Tháo dỡ và thay thế toàn bộ thiết bị vệ sinh; đường ống cấp, thoát nước đi chìm tường và ngầm trong sàn;

+ Thay thế hệ trần khu vệ sinh bằng trần nhựa tấm thả, kích thước tấm (60x60)cm;

+ Khôi phục bể tự hoại (bể hiện trạng đã xuống cấp, hư hỏng, không đảm bảo lưu trữ và thoát nước do đó cần phá dỡ và mở rộng bể); giải pháp thiết kế bể như sau: Thể tích $V=29,32m^3$, kích thước $D \times R \times C$ (5,22x3,2x1,75)m; đáy bể, tấm đan nắp bể bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường bao, tường ngăn bể xây gạch chỉ không nung, vữa xi măng mác 75, tường trát vữa xi măng mác 75 dày 2,5cm (trát 2 lớp, có quét nước xi măng nguyên chất), nền láng vữa xi măng mác 75 dày 2cm ngâm nước xi măng chống thấm;

- Sửa chữa sân xung quanh nhà: Diện tích $S=18m^2$, bóc dỡ nền gạch đã hư hỏng, láng vữa xi măng mác 50 dày trung bình 5cm bù vênh, lát lại bằng gạch tezaro kích thước (40x40x3)cm;

- Khôi phục, sửa chữa bồn cây, bồn hoa (BC1, BC2): Tháo dỡ phần tường xây bồn cây đã hư hỏng, xây lại bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, mặt trong trát vữa xi măng dày 1,5cm, mặt ngoài ốp gạch thẻ màu đỏ, mặt trên ốp đá granit tự nhiên;

- Sửa chữa rãnh, hố ga:

+ Rãnh R1: Chiều dài $L=42\text{m}$; nạo vét lòng rãnh, xây bù tường nâng cao thành rãnh bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan thay thế bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7cm;

+ Rãnh R2: Chiều dài $L=8\text{m}$; nạo vét lòng rãnh, thay thế tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7cm;

+ Rãnh R3 (bổ sung để đấu nối với hệ thống thoát nước chung): Chiều dài $L=2\text{m}$; đáy rãnh bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7cm;

+ Hố ga (bổ sung): Số lượng 01 cái; kích thước $D \times R \times C$ ($1 \times 1 \times 1,07\text{m}$); đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7cm.

8.2.2. *Sửa chữa nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng*: Diện tích xây dựng $S_{\text{xd}}=272,35\text{m}^2$, tổng diện tích sàn $S_s=545,81\text{m}^2$; giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

- Tháo dỡ cánh cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ; cạo gỉ khuôn cửa, cánh cửa, hoa sắt sơn lại 3 nước chống gỉ; thay thế một số vị trí ô kính bị vỡ bằng kính trắng dày 5mm; thay thế nẹp cửa bị hư hỏng;

- Bóc dỡ lớp vữa trát tường, trần, cột, trụ một số vị trí (*khoảng 25% diện tích cột, trụ; khoảng 20% diện tích tường ngoài nhà; khoảng 20% diện tích tường trong nhà; khoảng 10% diện tích dầm, trần*), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; phần tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà còn lại cạo lớp sơn bả; toàn bộ bả bột bả lăn sơn 3 nước;

- Lắp dựng bổ sung thép hộp inox nâng chiều cao lan can hành lang đảm bảo theo tiêu chuẩn;

- Thay thế toàn bộ thiết bị điện trong nhà bao gồm bóng đèn, quạt treo tường...

8.2.3. *Các hạng mục phụ trợ*:

- Bục sân khấu: Diện tích $S=63,8\text{m}^2$, phá dỡ bục sân khấu, nền hoàn trả bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 10cm, bề mặt lát gạch bê tông giả đá kích thước ($40 \times 40 \times 3,5\text{cm}$);

- Sân lát gạch (hiện trạng lát gạch chỉ đã hư hỏng): Diện tích $S=1.695\text{m}^2$; bóc dỡ nền sân gạch chỉ, đổ lại bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm, bề mặt lát gạch bê tông giả đá kích thước ($40 \times 40 \times 3,5\text{cm}$);

- Sửa chữa bồn cây (B1, B2, B3, B4, B5): Phá dỡ một số vị trí bồn cây đã hư hỏng, tường xây lại bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; mặt ngoài ốp gạch thẻ màu đỏ, mặt trên ốp đá granite tự nhiên.

8.2.4. *Các hạng mục, chi tiết khác*: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Quy chuẩn

- QCVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 06-2022: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 16-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

9.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 8794-2011: Trường trung học-Yêu cầu thiết kế (vận dụng);
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày

màng sơn khô;

- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 4.800,0 triệu đồng (Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	4.128,955	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	129,349	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	375,916	triệu đồng;
- Chi phí khác	72,743	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	93,037	triệu đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	4.800,0	4.800,0

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mường La (chủ đầu tư)

1.1. Rà soát, hoàn thiện các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 570/SXD-QLXD ngày 02/4/2025 để đảm bảo các

quy định của pháp luật trước khi triển khai các bước tiếp theo.

1.2. Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

1.3. Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

2.1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình, kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt dự án.

2.2. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực IX; Hiệu trưởng Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mường La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm Thông tin, TT PVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, NC, TH, KGVX, Bắc, 05 bản chính.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân